

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ D
TỈNH HÀ NAM

Bản án số: 18/2024/HSST
Ngày 23 – 02 – 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Mạnh Xuân Hải.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Quốc Phòng - Giáo viên nghỉ hưu phường Châu Giang;

2/ Ông Nguyễn Văn Thề - Cán bộ hưu trí phường Hòa Mạc;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Khánh Vy – Thư ký Toà án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh Q – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại Toà án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2024/TLST – HS ngày 05 tháng 01 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/HSST – QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024, đối với:

1- Bị cáo: Nguyễn Văn C, sinh ngày 08/11/2006, tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn S và bà Võ Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Quá trình điều tra, truy tố các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thị xã D đã áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo. Tuy nhiên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm bị cáo bỏ trốn khỏi nơi cư trú và thực hiện hành vi phạm tội mới. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T2 - Thanh Hóa về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Lệnh trích xuất của Tòa án, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Bà Võ Thị C, sinh năm 1985 (mẹ bị cáo), địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị N – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam; có mặt.

2 - Bị hại: Anh Vàng Văn Q, sinh năm 1999, nơi ĐKKHKT: Bản Đ, xã N, huyện U, tỉnh Lai Châu, chỗ ở hiện nay: Số nhà 156 đường Y, tổ dân phố H, phường V, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

3 - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Xuân TH, sinh năm 2008, người đại diện hợp pháp cho Lê Xuân TH: Ông Lê Văn Thế, sinh năm 1969, cùng nơi cư trú: Thôn T, xã Tân Lộc, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; vắng mặt.

4 - Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1981 và anh Trần Văn S, sinh năm 1994; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C là nhân viên phục vụ tại quán ăn “A” từ tháng 07/2023, có địa chỉ tại số nhà 156 đường Y, thuộc Tổ dân phố H, phường V, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Cùng làm với C có anh Vàng Văn Q, sinh năm 1999, cư trú tại bản Đ, xã N, huyện U, tỉnh Lai Châu. Hằng ngày sau khi làm việc xong, C và anh Q đều ăn ngủ tại quán.

Do có ý định trộm cắp điện thoại và xe mô tô của anh Q đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên tối ngày 25/8/2023, sau khi làm việc xong, anh Q ngủ dưới tầng 1, còn C đi lên gác thức chờ cho anh Q ngủ. Đến khoảng 04 giờ 00 ngày 26/8/2023, thấy anh Q ngủ say, C đi xuống vị trí anh Q đang nằm ngủ, lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, vỏ màu hồng và chìa khoá xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu sơn đen, BKS 25T1 – 134.95 của anh Q để trên bàn cạnh vị trí anh Q đang nằm. Sau đó, C kéo cửa cuốn của quán lên, dắt xe mô tô BKS 25T1 – 134.95 từ trong quán đi ra ngoài, mở khoá xe, nổ máy rồi điều khiển đi về nhà mình ở thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Đến sáng ngày 27/8/2023, trong lúc đi chơi cùng Lê Xuân TH, sinh ngày 23/10/2008, ở cùng thôn T, C rủ TH đi vào thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng tìm việc làm thì TH đồng ý. Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, C điều khiển xe mô tô BKS 25T1 – 134.95 chở TH đi vào thành phố ĐL. Khi đi đến thành phố T2, do C và TH đều không có tiền nên cả hai đi vào cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại không xác định được địa chỉ cụ thể bán chiếc điện thoại Iphone 6S Plus vỏ màu hồng của anh Q cho một người đàn ông khoảng 30 tuổi là chủ cửa hàng được 500.000 đồng để đổ xăng xe và ăn uống trên đường đi. Đến trưa ngày 29/8/2023, C chở TH đi đến địa phận phường B, quận L, thành phố Đà Nẵng thì xe bị hết xăng. Do không còn tiền đổ xăng nên C cùng TH đem xe mô tô BKS 25T1 – 134.95 vào cửa hàng mua bán, sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1981 để bán. Khi trao đổi mua bán, anh Thi hỏi C nhưng C không cung cấp được giấy tờ của xe, anh Thi nghi ngờ là xe trộm cắp nên đã trình báo Công an phường B. Sau đó, Công an phường B đã đưa xe mô tô BKS 25T1 – 134.95 cùng TH về trụ sở làm việc, còn C bỏ chạy thoát rồi đi vào tỉnh Bình Phước. Đến ngày 30/10/2023, Cơ

quan CSĐT Công an thị xã D mới triệu tập C đến làm việc được. Tại cơ quan điều tra, C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, BKS 25T1 – 134.95, số máy G3D4E900787, số khung 101KY134354, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 60/KL – HĐ ngày 02/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã D kết luận: “01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe: Exciter, màu sơn đen, BKS 25T1 – 134.95, số máy G3D4E900787, số khung 101KY134354, đã qua sử dụng trị giá 17.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus vỏ màu hồng, trong lắp 01 sim của nhà mạng Viettel số thuê bao 0862058965 trị giá 1.300.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 18.300.000 đồng”.

Về xử lý vật chứng vụ án: Ngày 18/10/2023, Cơ quan điều tra Công an thị xã D, tỉnh Hà Nam đã xử lý vật chứng trả lại anh Vàng Văn Q 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu sơn đen, BKS: 25T1 – 134.95, số máy G3D4E900787, số khung 101KY134354.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại là anh Vàng Văn Q yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus vỏ màu hồng mà bị cáo đã bán. Tại phiên tòa bà Võ Thị C (mẹ bị cáo) tự nguyện bồi thường đối với bị hại số tiền 1.300.000 đồng và được bị hại chấp nhận, nên HĐXX cần ghi nhận.

Cáo trạng số 08/CT – VKS – DT ngày 05/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức án tù 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười năm) tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhận thức tại thời điểm phạm tội và hoàn cảnh khó khăn của gia đình bị cáo để áp dụng mức hình phạt thấp nhất sớm cho bị cáo sớm trở về với gia đình; bị hại không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên:* Việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh tội phạm, ban hành các văn bản tố tụng đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 26/8/2023, tại quán ăn “A”, có địa chỉ: Số nhà 156 đường Y, thuộc tổ dân phố H, phường V, thị xã D, tỉnh Hà Nam, lợi dụng lúc anh Vàng Văn Q là người làm việc cùng mình tại quán ăn đang ngủ, Nguyễn Văn C đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô BKS: 25T1 – 134.95, màu đen trị giá 17.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng trị giá 1.300.000 đồng, tổng trị giá là 18.300.000 đồng rồi đem về nhà mình ở thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 27/8/2023, C điều khiển xe mô tô chở cháu Lê Xuân TH, sinh năm 2008 là người cùng thôn với C đem chiếc điện thoại Iphone 6S Plus đến 01 cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại ở thành phố T2 (không nhớ địa chỉ), bán được 500.000 đồng. Sau đó, C tiếp tục điều khiển xe mô tô BKS: 25T1 – 134.95 chở TH đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1981, ở số 65 Nguyễn Văn Cừ, phường B, quận L, thành phố Đà Nẵng để bán xe, anh Thi nghi ngờ là xe trộm cắp nên đã trình báo Công an phường B thu giữ xe mô tô BKS 25T1 – 134.95 và bàn giao cho cơ quan CSĐT Công an thị xã D giải quyết theo thẩm quyền.

Hành vi nêu trên của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Hành vi đó của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 08/CT-VKS-DT ngày 05/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã D đã truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):*

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, song ngày 31/01/2024 Nguyễn Văn C đã bị Công an thành phố T2, tỉnh Thanh Hoá khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 39/QĐ – ĐTTH.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Bồi thường, khắc phục hậu quả”; “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] *Về hình phạt:*

Hình phạt chính: Từ nhận định trên thấy rằng mặc dù bị cáo là người dưới 18 tuổi và có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” của giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án, bị cáo đã bỏ trốn và thực hiện hành vi phạm tội mới. Điều đó cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật. Vì vậy, HĐXX cần xử lý bị cáo mức án nghiêm khắc và cho bị cáo cách ly khỏi xã hội để bị cáo cải tạo thành con người có ích mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Ngoài ra, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này khi mới 16 tuổi 09 tháng 18 ngày (chưa đủ 18 tuổi) nên HĐXX cần áp dụng các Điều 90, 91 và 101 đối với bị cáo được quy định của Bộ luật hình sự.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không thuộc trường hợp áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS.

[5] *Về hành vi khác:*

Đối với cháu Lê Xuân TH là người đi cùng với Nguyễn Văn C đem bán điện thoại và xe mô tô BKS 25T1 – 134.95. Quá trình điều tra xác định, cháu TH không có sự bàn bạc thống nhất với C từ trước, không biết đó là tài sản do C trộm cắp mà có, bản thân TH khi đó chưa đủ 16 tuổi nên hành vi của TH không đồng phạm với C về tội “*Trộm cắp tài sản*”, cũng không đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an thị xã D không xử lý đối với cháu TH là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với chủ cửa hàng sửa chữa điện thoại (ở thành phố T2) đã mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus vỏ màu hồng của Nguyễn Văn C: Quá trình điều tra không xác định người đó là ai, ở đâu nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã D, tỉnh Hà Nam không có căn cứ xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại anh Vàng Văn Q đã được Cơ quan CSĐT Công an thị xã D trả lại xe mô tô BKS 25T1 – 134.95. Tại phiên tòa bà Võ Thị C là người đại diện hợp pháp của bị cáo đã tự nguyện bồi thường trị giá 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus vỏ màu hồng mà bị cáo đã chiếm đoạt, trị giá 1.300.000 và được anh Q chấp nhận. Nay anh Q không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] *Về vật chứng vụ án:* Đã được Cơ quan CSĐT Công an thị xã D xử lý. Nay không ai có ý kiến gì nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] *Về án phí hình sự:* Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo và người bào chữa cùng đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 90, 91 và 101 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Nguyễn Văn C 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại giữa người đại diện hợp pháp của bị cáo và bị hại. Theo đó, bà Võ Thị C đã bồi thường thiệt hại cho bị hại Vàng Văn Q trị giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus số tiền 1.300.000 đồng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 200.000 đồng.

Báo cho bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã D;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Cơ quan THAHS Công an tx D;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạnh Xuân Hải